TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 504/2023/DS-PT
Ngày 22-12-2023
V/v tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Bích Diệp.

Các Thẩm phán: Bà Huỳnh Thị Thanh Tuyền;

Bà Đinh Thị Mộng Tuyết.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hùng Cường - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Phan Văn Lợi – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 12 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 209/2022/TLPT-DS ngày 02 tháng 11 năm 2022 về việc "Tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 25/2022/DS-ST ngày 13 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Dương bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 292/2022/QĐPT-DS ngày 01 tháng 12 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông Phạm Văn H, sinh năm 1969; địa chỉ: ấp L, xã L, huyện B, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Đình P, sinh năm 1984; địa chỉ: ấp T, xã M, huyện D, tỉnh Bình Dương, là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 05/11/2021); có mặt.

- *Bị đơn*:

1. Bà Phạm Thị L, sinh năm 1950; địa chỉ: ấp T, xã M, huyện M, tỉnh Sóc Trăng; có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

2. Bà Nguyễn Thị K, sinh năm 1954 (đã chết).

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Nguyễn Thị K:

2.1. Ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1973; địa chỉ: khu phố D, phường T, thị xã B, tỉnh Bình Dương; có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

2.2. Ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1975; địa chỉ: khu phố D, phường T, thị xã B, tỉnh Bình Dương; có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

2.3. Ông Nguyễn Văn N1, sinh năm 1978; địa chỉ: khu phố D, phường T, thị xã B, tỉnh Bình Dương; có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

2.4. Ông Nguyễn Thanh B, sinh năm 1980; địa chỉ: khu phố D, phường T, thị xã B, tỉnh Bình Dương; có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

2.5. Ông Nguyễn Thanh K1, sinh năm 1982; địa chỉ: khu phố D, phường T, thị xã B, tỉnh Bình Dương; có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

2.6. Bà Nguyễn Thanh N2, sinh năm 1983; địa chỉ: khu phố D, phường T, thị xã B, tỉnh Bình Dương; có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

2.7. Ông Nguyễn Thanh Đ, sinh năm 1988; địa chỉ: khu phố D, phường T, thị xã B, tỉnh Bình Dương; có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

2.8. Ông Nguyễn Văn C1, sinh năm 1955; địa chỉ: khu phố D, phường T, thị xã B, tỉnh Bình Dương; có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

3. Bà Nguyễn Thị C2, sinh năm 1958; địa chỉ: ấp L, xã L, huyện B, tỉnh Bình Dương; có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

4. Ông Nguyễn Văn H1, sinh năm 1964 (đã chết);

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng ông Nguyễn Văn H1:

4.1. Ông Nguyễn Văn H2, sinh năm 1987; địa chỉ: ấp B, xã L, huyện B, tỉnh Bình Dương.

4.2. Bà Nguyễn Thị Diễm H3, sinh năm 1992; địa chỉ: ấp B, xã L, huyện B, tỉnh Bình Dương.

4.3. Ông Nguyễn Tấn P1, sinh năm 1995; địa chỉ: ấp B, xã L, huyện B, tỉnh Bình Dương.

5. Ông Nguyễn Văn H4, sinh năm 1965; địa chỉ: tổ E, khu phố B, phường T, thị xã B, tỉnh Bình Dương; có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

6. Ông Phạm Văn H5, sinh năm 1967; địa chỉ: ấp B, xã L, huyện B, tỉnh Bình Dương; có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

7. Ông Phạm Thái B1, sinh năm 1969; địa chỉ: ấp B, xã L, huyện B, tỉnh Bình Dương; có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

8. Bà Phạm Thị H6, sinh năm 1971; địa chỉ: tổ H, khu phố E, phường M, thị xã B, tỉnh Bình Dương; có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

9. Bà Phạm Thị T, sinh năm 1973; địa chỉ: ấp B, xã L, huyện B, tỉnh Bình Dương; có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Nguyễn Văn C3, sinh năm 1968; địa chỉ: ấp L, xã L, huyện B, tỉnh Bình Dương; có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

2. Bà Nguyễn Thị Hồng P2, sinh năm 1972; địa chỉ: ấp L, xã L, huyện B, tỉnh Bình Dương; có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

3. Bà Trần Thị Anh Đ1, sinh năm 1975; địa chỉ: ấp C, xã L, huyện B, tỉnh Bình Dương; vắng mặt.

- *Người kháng cáo:* Nguyên đơn ông Phạm Văn H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa người đại diện hợp pháp của nguyên đơn ông Nguyễn Đình P trình bày:

Ngày 20/7/1995 bà Phạm Thị L1 có chuyển nhượng cho ông Phạm Văn H 01 phần đất tọa lạc ấp B, xã L, huyện B, tỉnh Bình Dương, với giá 02 chỉ vàng. Việc chuyển nhượng có làm giấy, do bà D viết rồi bà L1, ông B1, bà D cùng ký tên xác nhận. Bà Phạm Thị L còn có tên gọi khác là D.

Ngày 19/02/2008, bà L1 chết nên ông H không thể làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, vì các anh chị em trong gia đình không đồng ý, dẫn tới anh em mất đoàn kết và tất cả 09 người anh chị em đều đứng về một phía để yêu cầu phân chia thừa kế.

Năm 2018, ông H làm thủ tục đăng ký kê khai và khai đất này nguồn gốc khai phá, được Ủy ban nhân dân huyện B cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 1.123,5 m^2 thuộc thửa số 5, tờ bản đồ số 20 tọa lạc ấp B, xã L, huyện B, tỉnh Bình Dương, số vào sổ cấp GCN: CH08408 ngày 21/12/2018.

Năm 2021, Ủy ban nhân dân huyện B ban hành Quyết định 992/QĐ-UBND ngày 04/3/2021 về việc thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng, lý do cấp không đúng nguồn gốc sử dụng đất.

Ông H khởi kiện những người thừa kế theo pháp luật của bà Phạm Thị L1 gồm có những người con của bà L1 là các ông, bà Phạm Thị L, Nguyễn Thị K, Nguyễn Thị C2, Nguyễn Văn H1, Nguyễn Văn H4, Phạm Văn H5, Phạm Thái B1, Phạm Thị H6, Phạm Thị T phải tiếp tục thực hiện hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ký ngày 20/7/1995 giữa ông H và bà L1, diện tích 1.123,5 m^2 thuộc thửa số 5, tờ bản đồ số 20 tọa lạc ấp B, xã L, huyện B, tỉnh Bình Dương.

Chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là 01 giấy sang đất ngày 20/7/1995 (bản photo đã đối chiếu bản chính)

2. Theo bản tự khai, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn bà Phạm Thị T trình bày: Phần đất tranh chấp bà L1 là mẹ của bị đơn và nguyên đơn đã bán cho ông Nguyễn Văn C3. Nguồn gốc đất bà L1 được Nhà nước cấp kinh tế mới. Hơn nữa, ngày 04/3/2021 Ủy ban nhân dân huyện B đã

ban hành Quyết định về việc thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 992/QĐ-UBND ngày 04/3/2021 nội dung "Thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH08408 do Ủy ban nhân dân huyện B cấp ngày 21/12/2018 cho ông Phạm Văn H lý do cấp không đúng nguồn gốc sử dụng đất". Ngoài ra ngày 04/3/2021 Ủy ban nhân dân huyện B đã ban hành Quyết định thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 1003/QĐ-UBND ngày 04/3/2021 nội dung "Thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 02674QSDĐ/10282/QĐ-UB do Ủy ban nhân dân huyện B cấp ngày 30/11/2004 cho ông Nguyễn Văn C3 lý do cấp không đúng hiện trạng (vị trí) sử dụng đất". Thực tế bà L1 không bán cho ông H phần đất này. Đối với chứng cứ là tờ giấy sang đất mà ông H cung cấp thì bà Thu n thấy nội dung không rõ ràng và bà T cũng không thừa nhận tính xác thực của nó vì chị em bà T không có ai tên D và ông Phạm Thái B1 bị cụt tay chỉ còn 03 ngón tay từ năm 1985 nên không thể ký tên vào thời điểm năm 1995, vì những lý do trên bà T không đồng ý toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông H.

3. Theo bản tự khai, trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà Phạm Thị L trình bày: Thống nhất lời trình bày của bị đơn bà T, không đồng ý toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông H.

4. Theo bản tự khai, trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà Nguyễn Thị K trình bày: Thống nhất lời trình bày của bị đơn bà T, không đồng ý toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông H.

5. Theo bản tự khai, trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà Nguyễn Thị C2 trình bày: Thống nhất lời trình bày của bị đơn bà T, không đồng ý toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông H.

6. Theo bản tự khai, trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Nguyễn Văn H1 trình bày: Thống nhất lời trình bày của bị đơn bà T, không đồng ý toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông H.

7. Theo bản tự khai, trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Nguyễn Văn H4 trình bày: Thống nhất lời trình bày của bị đơn bà T, không đồng ý toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông H.

8. Theo bản tự khai, trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Phạm Văn H5 trình bày: Thống nhất lời trình bày của bị đơn bà T, không đồng ý toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông H.

9. Theo bản tự khai, trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Phạm Thái B1 trình bày: Thống nhất lời trình bày của bị đơn bà T, không đồng ý toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông H.

10. Theo bản tự khai, trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà Phạm Thị H6 trình bày: Thống nhất lời trình bày của bị đơn bà T, không đồng ý toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông H.

11. Theo bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn C3 trình bày: Vào năm 2004, vợ chồng

ông C3 có nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất của bà Phạm Thị L1 diện tích 1.150 m^2. Sau đó vợ chồng ông C3 được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 203741, số vào sổ 02674 do Ủy ban nhân dân huyện B cấp ngày 30/11/2004. Năm 2018, vợ chồng ông C3 chuyển nhượng lại cho bà Trần Thị Anh Đ1 dưới hình thức hợp đồng ủy quyền. Khi đó ông C3 phát hiện phần đất này được cấp nhầm thửa với phần đất của bà L1 chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ông Phạm Văn H vô tình biết được và tự ý đi đăng ký quyền sử dụng đất làm cho ông C3 và các thành viên trong gia đình bà L1 không thể chỉnh sửa lại phần đất bị cấp sai vị trí. Sau đó, ông C3 cùng các thành viên trong gia đình bà L1 làm đơn và được Ủy ban nhân dân huyện B, tỉnh Bình Dương tiến hành kiểm tra xem xét. Trong quá trình giải quyết Ủy ban nhân dân huyện B đã ban hành Quyết định thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông C3 để chỉnh sửa cho đúng vị trí đất thực tế các bên mua bán. Vì qua quá trình xác minh của Thanh tra huyện B thể hiện thực tế phần đất mà ông C3 nhận chuyển nhượng của bà L1 là thửa đất số 5, tờ bản đồ số 20 nhưng khi cấp lại cấp là thửa đất số 4, tờ bản đồ số 20. Việc ông C3 với bà L1 chuyển nhượng đất là hoàn toàn đúng quy định pháp luật vì vậy ông C3 không đồng ý toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

12. Theo bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Hồng P2 trình bày: Thống nhất lời trình bày của ông C3, không đồng ý toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông H.

13. Theo bản tự khai, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị Anh Đ1 trình bày: Vào năm 2018, bà Đ1 có nhận chuyển nhượng của bà Nguyễn Thị Hồng P2 và ông Nguyễn Văn C3 thửa số 211, tờ bản đồ số 20, diện tích 1.150 m^2 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 203741, số vào sổ 02674 do Ủy ban nhân dân huyện B cấp ngày 30/11/2004 bằng hình thức hợp đồng ủy quyền. Quá trình làm hồ sơ thì cán bộ Văn phòng Đăng ký đất đai huyện B phát hiện nhầm thửa với phần đất bà Phạm Thị L1 chưa được cấp sổ. Lúc này bà L1 đã chết và phần đất này bà L1 chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Trong thời gian chờ các thành viên trong hộ gia đình bà L1 làm thủ tục để chỉnh sửa lại vị trí đất thì ông Phạm Văn H đã tự ý đi đăng ký và kê khai, giả chữ ký giáp ranh để chiếm đoạt phần đất bị nhầm thửa. Ngày 04/3/2021, Ủy ban nhân dân huyện B, tỉnh Bình Dương ra Quyết định thu hồi số 1003/QĐ-UB thu hồi sổ để cấp lại cho đúng hiện trạng, đúng vị trí đất sử dụng cho ông C3. Việc ông Nguyễn Văn H7 giả chữ ký, lợi dụng việc sai vị trí đất để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã làm ảnh hưởng đến quyền lợi của bà Đ1. Nay bà Đ1 không đồng ý toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông H7.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 25/DS-ST ngày 13/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Dương tuyên xử:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phạm Văn H đối với bị đơn bà Phạm Thị L, bà Nguyễn Thị K, bà Nguyễn Thị C2, ông Nguyễn

Văn H1, ông Nguyễn Văn H4, ông Phạm Văn H5, ông Phạm Thái B1, bà Phạm Thị H6, bà Phạm Thị T về việc "tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất".

Sau khi xét xử sơ thẩm ngày 21/9/2022 nguyên đơn kháng cáo bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, sửa bản án sơ thẩm

Tại phiên tòa phúc thẩm các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Ý kiến của Kiểm sát viên: Về thủ tục tố tụng những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án: xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm xử có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ ý kiến của các đương sự và ý kiến của Kiểm sát viên

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Các bị đơn bà Phạm Thị L, bà Nguyễn Thị K, bà Nguyễn Thị C2, ông Nguyễn Văn H1, ông Nguyễn Văn H4, ông Phạm Văn H5, ông Phạm Thái B1, bà Phạm Thị H6, bà Phạm Thị T và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn C3, bà Nguyễn Thị Hồng P2, có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt và bà Trần Thị Anh Đ1 vắng mặt lần thứ 02 nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án: Theo đơn khởi kiện nguyên đơn ông Phạm Văn H trình bày vào ngày 20/7/1995 bà Phạm Thị L1 là mẹ ruột của nguyên đơn và các bị đơn có chuyển nhượng cho nguyên đơn 01 phần đất diện tích 1.123,5 m^2 thuộc thửa số 5, tờ bản đồ số 20 tọa lạc ấp B, xã L, huyện B, tỉnh Bình Dương, với giá 02 chỉ vàng nhưng bà Phạm Thị L1 chưa làm thủ tục sang tên cho nguyên đơn thì năm 2008 bà Phạm Thị L1 chết, nguyên đơn yêu cầu những người thừa kế theo pháp luật của bà Phạm Thị L1 là các bị đơn (con của bà L1) phải làm thủ tục cho nguyên đơn xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng các bị đơn không đồng ý, vì cho rằng khi bà L1 còn sống không có chuyển nhượng đất cho nguyên đơn, vì vậy các bị đơn không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[3] Qua lời trình bày của các đương sự và chứng cứ có trong hồ sơ duy nhất là giấy viết tay ghi ngày 20/7/1995 do nguyên đơn cung cấp. Chứng cứ này để nguyên đơn xác định bà L1 chuyển nhượng cho nguyên đơn diện tích đất 1.123,5 m^2 thuộc thửa số 5, tờ bản đồ số 20 tọa lạc ấp B, xã L, huyện B, tỉnh Bình Dương. Thấy rằng theo tờ giấy viết tay thể hiện nội dung bà L1 là mẹ có sang cho ông Phạm Văn H 01 bên đất nữa hộ số tiền là 02 chỉ (bút lục số 13), không thể hiện diện tích, không thể hiện thửa đất và không thể hiện vị trí đất

đồng thời phía dưới tờ giấy tay hoàn toàn không có chữ ký của người nhận chuyển nhượng đất là ông Phạm Văn H. Ông Phạm Văn H cho rằng tờ giấy tay này do bà D viết, chữ ký phía bên dưới ghi chị hai Diệp, B1, L1 là do 3 người này ký tên nhưng các bị đơn xác định ông B1 bị cụt cánh tay phải và cánh tay trái còn 03 ngón nên không thể ký tên được, còn bà Phạm Thị L xác định bà L chỉ có 01 tên gọi duy nhất là "Liên" chứ không có tên gọi khác là "Diệp" như nguyên đơn trình bày. Mặc khác phần đất này không có tài sản của ông H nên không có cơ sở xác định ông H quản lý sử dụng đất từ năm 1995 cho đến nay, do đó chưa xác lập quyền sử dụng đất. Qua kết quả giám định thì xác định chữ ký L1 trong tờ giấy ngày 20/7/1995 là của bà L1 nhưng tình tiết này cũng chưa đủ căn cứ vững chắc để xác định ý chí của bà L1 chuyển nhượng cho nguyên đơn.

[4] Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy kháng cáo của ông H không có căn cứ chấp nhận.Tòa án cấp sơ thẩm xử có căn cứ nên cần giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[5] Ý kiến của Kiểm sát viên là có căn cứ chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 148 , khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử;

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn ông Phạm Văn H.

2. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 25/2022/DS-ST ngày 13 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Dương.

3. Chi phí giám định: Số tiền 2.550.000 đồng (hai triệu năm trăm năm mươi nghìn đồng), ông Phạm Văn H phải chịu và được trừ hết vào số tiền tạm ứng theo biên lai thu của Tòa án.

4. Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Phạm Văn H phải nộp số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng theo Biên lai thu số 0009297 ngày 21/9/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Bình Dương.

Bản án dân sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- Chi cục THADS huyện B;
- TAND huyện B;
- Các đương sự;
- Lưu: HCTP, HSVA, Tòa Dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Ngô Thị Bích Diệp